TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 01 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoài Sơn

Bà Trần Thị Bích Huề

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Đinh Phú Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: số: 52/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vàng Thị Đ, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái vắng mặt (Đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Giàng A T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 23/10/2024, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 01/11/2024, nguyên đơn là chị Vàng Thị Đ trình bầy:

Về quan hện hôn nhân: Tôi và anh Giàng A T về chung sống với nhau từ năm 2015, nhưng do lúc đó tôi chưa đủ tuổi kết hôn nên đến ngày 04/7/2022 tôi và anh T mới đi đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái, vợ chồng kết hôn tự nguyện. Năm 2015 tôi về chung sống với anh T ở cùng nhà với bố mẹ đẻ anh T là ông Giàng C và bà Vàng Thị S tại thôn A, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận cho đến khi tôi sinh người con thứ nhất vào tháng 02/2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ

chồng không thống nhất được với nhau việc đặt tên con, hôm đó anh T uống rượu say đã đánh tôi, từ sau lần đó rất nhiều lần anh T uống rượu say rồi chửi, đánh tôi vô cớ. Việc anh T đánh tôi thì bố mẹ đẻ anh T cũng biết và đã nhiều lần can ngăn, khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Do bị anh T đánh đập nhiều lần kéo dài nhiều năm tôi không chịu đựng được nên tôi đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tôi tại xã Đ, huyện C, tỉnh Yên Bái sinh sống từ tháng 11/2023 cho đến nay và cũng từ khi tôi bỏ về nhà bố mẹ đẻ thì vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau, trong thời gian tôi bỏ về nhà bố mẹ đẻ tôi sinh sống thì anh T có vào đón hai lần nhưng tôi không đồng ý về chung sống với anh T nữa. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được và đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T.

Về con chung: Tôi và anh T có hai người con chung là Giàng M sinh ngày 06/02/2017 và Vàng Thị N sinh ngày 02/6/2021. Từ khi tôi bỏ về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tôi thì tôi đưa cháu N đi cùng, còn cháu M vẫn ở cùng anh T và bố mẹ anh T. Nay vợ chồng ly hôn tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được trực tiếp nuôi cháu N, còn anh T nuôi cháu M. Tôi và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản và nợ chung: Tôi và anh T không có gì và cũng không vay mượn tiền, tài sản của ai nên tôi không yêu cầu giải quyết gì.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 11 năm 2024, bị đơn là anh Giàng A T trình bầy:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và cô Vàng Thị Đ về chung sống với nhau từ năm 2016, do chưa đủ tuổi kết hôn nên ngày 04/7/2022 vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng bình thường. Năm 2023 tôi về Hải Dương làm thuê, cô Đ không ở nhà mà cũng đi phát cỏ thuê, không biết chính xác ở khu vực nào và có quan hệ ngoài hôn nhân với người khác, tôi gọi về mấy lần, có lần về, có lần không về, cứ sau khi tôi đi làm thuê thì cô Đ lại bỏ đi, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc cãi nhau, khoảng một năm nay vợ tôi bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã Đ, huyện C, tỉnh Yên Bái, cũng từ đó vợ chồng không còn liên lạc, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay vợ tôi xin ly hôn, tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung là Giàng M sinh ngày 06/02/2017 và Vàng Thị N sinh ngày 02/6/2021. Hiện cháu M đang ở với tôi, còn cháu N ở cùng cô Đ. Trường hợp vợ chồng ly hôn tôi đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai người con và yêu cầu vợ tôi cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng tôi suy nghĩ thêm và sẽ đề nghị cụ thể sau.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về: Thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định tư cách của những người tham gia tố tụng; tiếp nhận tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp; thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng; thời hạn chuẩn bị xét xử; chuyển Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: Đã được thông báo hợp lệ nhưng không có mặt theo giấy triệu tập, không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Vàng Thị Đ được ly hôn bị đơn anh Giàng A T. Giao cho chị Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Vàng Thị N, anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Giàng M, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Nguyên đơn chị Vàng Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vàng Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn và giải quyết việc nuôi con khi ly hôn đối với anh Giàng A T, anh T thường trú tại thôn A, xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái. Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Văn Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện việc cấp, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự để các đương sự thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình và đã tiến hành hòa giải nhưng anh T không có mặt tại phiên hòa giải, chị Đ đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải, nên Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 24/12/2024 anh T vắng mặt không có lý do nên HĐXX đã phải hoãn phiên tòa và tại phiên tòa hôm nay anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do, chị Đ vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Đ, anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị Đ và anh Giàng A T về chung sống với nhau từ năm 2015, đến ngày 04/7/2022 chị Đ và Anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái, vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị Đ, anh T đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định của

pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, cuối năm 2023 gia đình hai bên đã tổ chức hòa giải và có mời cán bộ thôn đến chứng kiến nhưng chị Đ, anh T không thống nhất được với nhau. Từ tháng 11/2023 chị Đ bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại xã Đ, huyện C, tỉnh Yên Bái, cũng từ đó vợ chồng không còn liên lạc, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý ly hôn, nhưng anh T không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án đã thông báo cho anh T về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không đến Tòa án để tham gia phiên họp nên không tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ được, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi từ tháng 11/2023 và không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy rằng, tình trạng vợ chồng giữa chị Đ, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vàng Thị Đ, xử cho chị Đ được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Đ, anh T có hai người con chung là Giàng M sinh ngày 06/02/2017 và Vàng Thị N sinh ngày 02/6/2021. Chị Đ, anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, xét nguyện vọng của chị Đ, anh T là chính đáng và đều có đủ khả năng, điều kiện nuôi con. Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến nguyện vọng của cháu M thì cháu M có nguyện vọng được ở với anh T. Vì vậy, giao người con chung là Vàng Thị N cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, giao người con chung là Giàng M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Đ, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 236/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vàng Thị Đ được ly hôn anh Giàng A T.

2. Về việc nuôi con chung:

Giao người con là Giàng M sinh ngày 06 tháng 02 năm 2017 cho anh Giàng A T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Giao người con là Vàng Thị N sinh ngày 02 tháng 6 năm 2021 cho chị Vàng Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Đ, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Vàng Thị Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0001135 ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, xác nhận chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Vàng Thị Đ và anh Giàng A T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã N, huyện Văn Yên;
- Các đương sự (Chị Đ, anh T);
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Việt Hà